

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BỈM SƠN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:02/2018/ HNGĐ - ST

Ngày: 29-3-2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Ngô Xuân Sang**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông **Nguyễn Quốc Sáu**

2/ Ông **Trần Văn Ngọt**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Thị Ngọc Lan**, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Bỉm Sơn tham gia phiên tòa:**

Bà **Đỗ Thị Minh**- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2018/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 01 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX- ST, ngày 23 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị H**- sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn 3, xã Q, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn Q**- sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn 3, xã Q, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, đề ngày 22 tháng 01 năm 2018 và bản tự khai ngày 29 tháng 01 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn- chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H chung sống với anh Phạm Văn Q từ năm 1994 mà không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống, vợ chồng chị chỉ hòa thuận cho đến khi chị H sinh con

đầu lòng được một năm( năm 1996) thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q hay uống rượu, thậm chí nát rượu rồi sinh sự chửi bới, đánh đập chị nhiều lần. Chính quyền địa phương đã nhiều lần can thiệp, hòa giải cho vợ chồng, nhưng chỉ được một thời gian ngắn mọi việc lặp lại như cũ. Chị H luôn sống trong tâm trạng nơm nớp lo sợ những trận đòn roi của chồng. Ngoài ra anh Q còn có tật xấu là mỗi lần tức giận điều gì là đập phá đồ đạc trong nhà. Chính vì vậy cuộc sống gia đình chị rất căng thẳng, tinh thần chị bị khủng hoảng trầm trọng. Nay chị H xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh Q được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn Q. Về phần con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Phạm Văn H( nam), sinh 24/5/1995 và Phạm Văn H( nam), sinh 30/01/2004. Cháu H đã thành niên nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu H, chị H tôn trọng sự lựa chọn của cháu. Về phần tài sản: Chị H yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng chị bao gồm: 01 căn nhà cấp 4 xây trên đất đứng tên vợ chồng chị tại thôn 3, xã Q, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa trị giá khoảng 40.000.000đ; 01 Chiếc xe Honda Future BKS 36E5-140.03 trị giá 33.000.000đ; 01 chiếc điện thoại di động Sam Sung trị giá 9.000.000đ. Nguyên vọng của chị H là muốn có nhà để ở, có xe để làm phương tiện đi lại, buôn bán và điện thoại để liên lạc. Còn ngôi nhà vợ chồng mới xây trên đất của bố mẹ chồng chị thì chị không tranh chấp mà để lại cho anh Q và hai con. Đến ngày 01/02/2018 chị H có đơn đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Tại bản tự khai ngày 31 tháng 01 năm 2018, bị đơn- anh Phạm Văn Q trình bày:

Anh Q kết hôn với chị Lê Thị H vào năm 1994, nhưng do một số lý do khách quan, đường xá đi lại khó khăn nên anh chị không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau thỉnh thoảng vợ chồng cũng xảy ra một vài xích mích nho nhỏ nhưng rồi mọi chuyện cũng qua. Tuy nhiên từ khi chị H đi làm ăn ở nước ngoài về thì có nhiều cách cư xử khiến người làm chồng như anh cảm thấy bị xúc phạm. Gần như chị H tự quyết định mọi việc lớn bé trong nhà, không bàn bạc thông qua anh Q. Anh Q xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức để chị H phải làm đơn xin ly hôn với anh, anh vẫn còn yêu thương vợ, con nên không nhất trí ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái; Về phần con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Văn H( nam), sinh 24/5/1995 và Phạm Văn H( nam), sinh 30/01/2004. Cháu H đã thành niên nên anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu H, anh cũng tôn trọng sự lựa chọn của cháu; Về phần tài sản: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Chị Lê Thị H là người khởi kiện đã giao nộp các chứng cứ, tài liệu: bản sao sổ hộ khẩu gia đình số

Đ0633 mang tên chủ hộ Lê Thị H; bản sao CMND Lê Thị H; bản sao Giấy khai sinh Phạm Văn H; bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN433193; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy. Đối với bản sao chứng minh nhân dân của anh Q, Tòa án đã yêu cầu anh Q giao nộp trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ nhưng anh Q không chấp hành.

Tại phiên hòa giải ngày 05/02/2018, về hôn nhân, hai bên không thống nhất được quan điểm, chị H cương quyết xin ly hôn, anh Q xin đoàn tụ; về phần con chung: hai bên thống nhất nếu ly hôn sẽ giao cháu Phạm Văn H( nam), sinh ngày 30/01/2004 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ. Cháu H có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố khi bố mẹ cháu ly hôn; Về tài sản: Chị H và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn nhận định:

[ 2] Chị Lê Thị H khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn với anh Phạm Văn Q nhưng anh chị không đăng ký kết hôn nên đây là tranh chấp về nuôi con và chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự(BLTTDS). Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn- anh Phạm Văn Q, đây là lần thứ hai anh Q vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt anh Q là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị H và anh Phạm Văn Q chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1994. Sau khoảng hai năm chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Q hay uống rượu và sử dụng bạo lực với chị nhiều lần. Anh Q cũng thừa nhận điều đó, tuy nhiên anh cho rằng chị H cũng có lỗi vì đã tự quyết định mọi việc lớn nhỏ trong gia đình, không tôn trọng anh. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H, anh Q tại chính quyền địa phương và được biết mâu thuẫn vợ chồng là có thật, việc anh Q hay uống rượu về gây gổ chửi bới, đánh vợ là thực tế. Anh Q muốn đoàn tụ nhưng không có một động thái tích cực nào để chị H suy nghĩ lại và rút đơn khởi kiện mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Tuy nhiên, do hôn nhân của chị H và anh Q không đăng ký kết hôn, anh chị sống chung với nhau từ năm 1994 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì giữa hai bên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[4] *Về nuôi con chung:* Chị H và anh Q có hai con chung là Phạm Văn H( nam), sinh 24/5/1995 và Phạm Văn H( nam), sinh 30/01/2004. Quyền và nghĩa vụ đối với con được giải quyết theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình.

Cháu H đã thành niên nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Còn cháu H, chị H tôn trọng sự lựa chọn của cháu, cháu cũng có đơn trình bày nguyện vọng muốn ở với bố. Quá trình hòa giải, chị H nhất trí giao cháu H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng theo yêu cầu của anh Q. Sự thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự, giao cháu Phạm Văn cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, hằng tháng chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ là phù hợp;

[5] *Về phần tài sản*: ngày 01/02/2018, người khởi kiện là chị H đã rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ một phần giải quyết vụ án đối với yêu cầu này nên miễn xét.

[6] *Về án phí*: Án phí dân sự sơ thẩm chị Lê Thị H phải chịu án phí không giá ngạch theo quy định của pháp luật. Án phí cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận được với nhau trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử nên chị H chỉ phải nộp 50% mức án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

**\* Áp dụng:** Khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí ban hành kèm theo;

**\* Tuyên xử:**

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận chị Lê Thị H và anh Phạm Văn Q là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung*:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con như sau: Giao cháu Phạm Văn H( nam), sinh ngày 30 tháng 01 năm 2004 cho anh Phạm Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị H phải cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án(29/3/2018) cho đến khi cháu H đủ tuổi thành niên( 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, nếu chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung của anh Q thì người trực tiếp nuôi con là anh Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết các bên đương sự được quyền làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí*: Buộc chị Lê Thị H phải nộp 300.000đ( ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cả hai khoản là 450.000đ( bốn trăm năm mươi ngàn đồng). Chuyển số tiền 300.000đ chị H đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bim Sơn theo biên lai số: AA/2017/0000564 ngày 23 tháng 01 năm 2018 sang phần án phí mà chị H phải nộp. Như vậy, chị H còn phải nộp 150.000đ( một trăm năm mươi ngàn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn Lê Thị H, vắng mặt bị đơn Phạm Văn Q. Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/3/2018). Anh Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15( mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự ;
- VKSND thị xã Bim Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Chi cục Thi hành án dân sự Bim Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Xuân Sang**